

Bản án số: 89/2026/HS-ST

Ngày: 21-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Nữ Ngọc Oanh

Bà Võ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Quý, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03 tháng 7 năm 1997; Căn cước công dân số: 042097008706; Nơi sinh: **xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh**; Nơi cư trú: **thôn L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1973 và bà: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1973; Hiện đều đang sinh sống tại **thôn L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh**; A, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 06/11/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh H**; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. **Đặng A**, sinh năm 1984; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Lê Thị T**, sinh năm 1996; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn H, xã V, tỉnh Nghệ An**; có mặt.

3. **Nguyễn Trung T1**, sinh năm 1991; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

4. **Trần Văn T2**, sinh năm 1976; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

5. **Trần Xuân H**, sinh năm 1980; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: **Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

6. Trần Văn T3, sinh năm 1973; nghề nghiệp: làm ruộng; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
7. Trần Văn V, sinh năm 1986; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị; có mặt.
8. Trần Đức B1, sinh năm 1984; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị; có mặt.
9. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn P, xã P, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
10. Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1993; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
11. Nguyễn Xuân T4, sinh năm 1988; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn P, xã Y, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
12. Nguyễn Quốc T5, sinh năm 1994; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn D T, xã P, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Trần Ngọc T6, sinh năm 1981; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
14. Nguyễn Văn T7, sinh năm 1980; nghề nghiệp: lao động tự do; địa chỉ: Thôn T, phường N, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C không có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và cũng không làm việc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền đưa người đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Vì muốn chiếm đoạt tiền của những người bị hại từ trước nên sau khi đi xuất khẩu lao động từ Malaysia về Việt Nam, C biết được một số thủ tục về việc tuyển lao động phổ thông đi lao động ở nước ngoài (không cần bằng cấp), nên đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối về việc bản thân C làm được thủ tục đưa những người đi xuất khẩu lao động tại Indonesia và Đài Loan để lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người. Thông tin gian dối là: C đã đưa được nhiều người đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, C chuẩn bị đi sang Indonesia và đưa theo nhiều người đi cùng; công việc sang sẽ làm thợ cơ khí, Công ty sẽ bao ăn ở, lương tính theo giờ trung bình mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; chi phí đi chỉ hết 15.400.000 đồng và khi sang đến nơi Công ty sẽ hoàn trả lại số tiền này; nếu không đi được C sẽ trả lại toàn bộ số tiền đã thu; thủ tục chỉ cần chụp ảnh hộ chiếu và căn cước công dân gửi cho C, còn lại mọi thủ tục khác C sẽ lo. Trong thời gian 03 ngày đến 01 tuần kể từ khi làm thủ tục hoặc sau khi nộp tiền thì người lao động sẽ bay sang Indonesia để làm việc. Đối với việc lừa đảo đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, C đã đưa ra thông tin gian dối là: C làm quản lý cho các công ty về thực phẩm ở Đài Loan, hiện nay về Việt Nam để tuyển nhân viên sang làm việc ở bộ phận đóng gói thực phẩm; mỗi ngày làm 12 tiếng, nghỉ 4 ngày chủ nhật, lương mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; thủ tục chỉ cần hộ chiếu, phiếu khám sức khỏe và photo căn cước công dân là được, còn các thủ tục khác C sẽ lo; chi phí đi hết 70.000.000 đồng đến 77.000.000 đồng; sau khi đóng tiền thì 15 đến 20 ngày, người lao động sẽ bay sang Đài Loan để làm việc, nếu không đi được C sẽ trả lại

tiền. Khi C đưa ra các thông tin gian dối như trên, những người bị hại hoàn toàn tin tưởng vào các thông tin mà C đã đưa ra, nên đã đưa tiền cho C để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Sau khi nhận tiền từ những người bị hại, C không làm bất kỳ thủ tục gì và cũng không có bất kỳ hoạt động nào để đưa những người bị hại đi xuất khẩu lao động. Trên thực tế, Nguyễn Văn C cũng không đưa được người nào đi xuất khẩu lao động. Khi những người bị hại không đi xuất khẩu lao động được và yêu cầu Nguyễn Văn C trả lại tiền, C đã tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối như: trực trực vé máy bay, lỗi hộ chiếu, chưa bố trí được công việc nên phải chờ... để không trả lại tiền cho người bị hại, từ đó chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Sau khi chiếm đoạt được tiền của những người bị hại, Nguyễn Văn C đã chặn mọi liên lạc với người bị hại, bỏ trốn khỏi địa phương, đi sang Malaysia và Campuchia để trốn tránh trách nhiệm hình sự. Ngày 06/11/2025, sau khi bị C1 trực xuất về Việt Nam, Nguyễn Văn C đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Bằng thủ đoạn trên, từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2024, Nguyễn Văn C đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 14 người bị hại với tổng số tiền 408.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Đặng A, sinh ngày 19/05/1984, trú tại thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 15.000.000 đồng.

Anh Đặng A và Nguyễn Văn C quen biết nhau do cả hai từng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 4 năm 2023 thì về Việt Nam. Nguyễn Văn C thường xuyên qua lại nhà anh Đặng A và nói bản thân C chuẩn bị đi Indonesia để làm việc, đồng thời đưa ra các thông tin gian dối như trên để rủ anh Đặng A đi xuất khẩu lao động tại Indonesia cùng với C. Tin tưởng vào các thông tin mà C đưa ra, anh Đặng A đồng ý để C làm thủ tục cho anh Đặng A đi xuất khẩu lao động tại Indonesia. Ngày 19/7/2023, do C yêu cầu làm thủ tục và mua vé máy bay nên anh Đặng A sử dụng số tài khoản 106870213449 ngân hàng V1 chuyển khoản đến số tài khoản 0968528731 ngân hàng M của Nguyễn Văn C số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 24/7/2023, Nguyễn Văn C tiếp tục yêu cầu chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng với lý do để đổi sang tiền I sử dụng và sẽ bay luôn trong hai ba ngày nữa, nên anh Đặng A đồng ý và tiếp tục chuyển cho C 5.000.000 đồng. Đến hẹn, anh Đặng A vẫn không đi xuất khẩu lao động được nên nhiều lần yêu cầu Nguyễn Văn C trả lại tiền, nhưng C đã đưa ra lý do lỡ chuyến bay không đi được rồi chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền mà chiếm đoạt của anh Đặng A số tiền 15.000.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Lê Thị T, sinh ngày 04/10/1996, trú tại thôn H, xã V, tỉnh Nghệ An số tiền 46.200.000 đồng.

Vào khoảng tháng 7 năm 2023, do chồng của chị Lê Thị T là anh Ô Văn H2 (sinh năm 1994) và cậu của chị T là anh Nguyễn Đức H3 (sinh năm 1977) và anh Phạm Ngọc P (sinh năm 2001, con rể anh H3) đều trú tại xã H, tỉnh Nghệ An có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, nên cho chị T đã tìm hiềm để làm thủ tục. Vào ngày 29/7/2023, chị T quen biết với Nguyễn Văn C, biết C có thể đưa người đi xuất khẩu lao động tại Indonesia nên chị T đã hỏi thông tin để làm thủ tục thì được C đưa ra các thông tin gian dối như trên. Chị T đã nhờ C làm thủ tục cho anh H2, anh H3 và anh P đi xuất khẩu lao động sang Indonesia. Nguyễn Văn C hướng dẫn chị T chụp ảnh căn cước công dân của anh H2, anh H3 và anh P gửi cho C để làm

visa, chị T làm theo. Đến ngày 01/8/2023, Nguyễn Văn C thông báo cho chị T đã có visa, yêu cầu chị T đóng số tiền 46.200.000 đồng và C cam kết sau khi đóng tiền, ngày 04/8/2023 sẽ bay sang Indonesia để làm việc, nếu không đi được C sẽ trả lại toàn bộ số tiền. Tin tưởng vào những thông tin mà Nguyễn Văn C đưa ra cho nên ngày 01/8/2023, chị Lê Thị T đã dùng số tài khoản 3619205218501 ngân hàng A1 chuyển số tiền 46.200.000 đồng của chị T đến số tài khoản 096852873 ngân hàng M của Nguyễn Văn C với nội dung “Hoang đạt cọc tiền đi indo ngay 4”. Đến ngày 04/8/2023, Nguyễn Văn C báo với chị T do trực trực vé máy bay nên ngày 08/8/2023 mới bay được. Tuy nhiên, đến ngày 08/8/2023 anh H2, anh H3 và anh P vẫn không bay được thì Nguyễn Văn C hứa sẽ trả lại tiền nhưng sau đó C đã chặn liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của chị Lê Thị T số tiền 46.200.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung T1, sinh ngày 14/11/1991, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị số tiền 15.000.000 đồng.

Vào khoảng tháng 7 năm 2023, thông qua các mối quan hệ cá nhân, anh Nguyễn Trung T1 quen biết với Nguyễn Văn C và biết C đang tuyển người đi xuất khẩu lao động tại Indonesia. Anh T1 đã liên hệ với Nguyễn Văn C để hỏi thông tin thì C đưa ra các thông tin gian dối như trên, làm cho anh T1 tin tưởng nên đã nhờ C làm thủ tục cho anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Indonesia. Ngoài ra, anh Trần Xuân H (sinh năm 1980, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị); anh Trần Văn T3 (sinh năm 1973, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị); anh Trần Văn T2 (sinh năm 1976, trú tại thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị) và anh Trần Văn V, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị) là những người bạn của anh Nguyễn Trung T1 cũng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động cùng anh T1 nên đã nhờ anh T1 đặt vấn đề với Nguyễn Văn C để làm thủ tục cho những người này đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, C đồng ý. Sau đó, anh Nguyễn Trung T1 và những người này được Nguyễn Văn C hướng dẫn chụp ảnh căn cước công dân, hộ chiếu gửi cho C để làm thủ tục xin visa thì những người này làm theo. Đến ngày 31/07/2023, Nguyễn Văn C thông báo đã có visa, yêu cầu anh T1 và những người này đóng tiền mỗi người 15.400.000 đồng. Tin tưởng vào các thông tin mà Nguyễn Văn C đưa ra nên anh Trần Xuân H và anh Trần Văn T2 đã đưa mỗi người 15.400.000 đồng cho anh Nguyễn Trung T1 để chuyển cho C. Trong ngày 31/7/2023, anh Nguyễn Trung T1 đã dùng số tài khoản 0337111259 ngân hàng M để chuyển vào số tài khoản 0968528731 ngân hàng M của Nguyễn Văn C 03 lần với tổng số tiền 45.800.000 đồng gồm: của anh T1 15.000.000 đồng (anh T1 xin nợ C 400.000 đồng), của anh H 15.400.000 đồng và của anh T2 15.400.000 đồng. Còn anh Trần Văn T3 và anh Trần Văn V thì tự liên hệ với Nguyễn Văn C để chuyển tiền. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn C hứa hẹn với anh T1 khoảng 2 đến 3 ngày nữa sẽ bay, nhưng những ngày sau đó vẫn không bay được sang Indonesia để làm việc nên anh T1 nhiều lần liên hệ thì Nguyễn Văn C hứa hẹn ngày này qua ngày khác sẽ bay. Đến ngày 09/8/2023 thì Nguyễn Văn C chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 45.800.000 đồng anh Nguyễn Trung T1 đã chuyển cho C, trong đó số tiền cá nhân anh T1 bị chiếm đoạt là 15.000.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Trần Văn T2**, sinh ngày 10/10/1976, trú tại **thôn C, xã B, tỉnh Quảng Trị** số tiền 15.400.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 7 năm 2023, thông qua anh **Nguyễn Trung T1**, anh **Trần Văn T2** biết được **Nguyễn Văn C** đang làm thủ tục cho nhiều người đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, nên đã liên hệ với **C** để hỏi thông tin thì được **C** cung cấp các thông tin gian dối như trên. Anh **T2** đã đồng ý để **C** làm thủ tục cho anh **T2** đi xuất khẩu lao động tại Indonesia. Sau đó, **Nguyễn Văn C** yêu cầu anh **Trần Văn T2** nộp số tiền 15.400.000 đồng cho **C** để làm thủ tục và đặt vé máy bay. Anh **T2** tin tưởng nên đã đưa số tiền 15.400.000 cho anh **Nguyễn Trung T1** để nhờ anh **T1** chuyển cho **Nguyễn Văn C** vào ngày 31/7/2023. Sau khi đóng tiền, **Nguyễn Văn C** hứa hẹn 3 đến 4 ngày nữa sẽ có vé máy bay để đi sang Indonesia. Tuy nhiên đến ngày hẹn vẫn không bay được thì **Nguyễn Văn C** lấy lý do vé máy bay bị trục trặc nên chưa đi được và hẹn thêm 3 đến 4 ngày nữa sẽ có vé máy bay để đi. Tuy nhiên, khi đến hẹn vẫn không bay được thì **Nguyễn Văn C** bảo phải chờ thêm, sau đó **C** chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh **Trần Văn T2** số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Trần Xuân H**, sinh ngày 06/05/1980, trú tại **thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị** số tiền 15.400.000 đồng.

Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2023, anh **Trần Xuân H** nghe thông tin từ anh **Nguyễn Trung T1** về việc **Nguyễn Văn C** đang làm thủ tục cho anh **T1** đi xuất khẩu lao động ở Indonesia. Đồng thời, anh **H** được anh **T1** cung cấp lại các thông tin mà **Nguyễn Văn C** đã đưa ra với anh **T1**, nên anh **H** tin tưởng và nhờ anh **T1** liên hệ với **C** để làm thủ tục cho anh **H** cùng đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, **C** đồng ý. Khi nghe anh **T1** thông báo **Nguyễn Văn C** yêu cầu nộp số tiền 15.400.000 đồng, anh **Trần Xuân H** đã đưa cho anh **Nguyễn Trung T1** số tiền này để nhờ anh **T1** chuyển cho **C**. Sau khi chuyển tiền, anh **Trần Xuân H** vẫn không đi được sang Indonesia, nên anh **H** có hỏi thì được anh **T1** thông báo là **Nguyễn Văn C** đã lừa đảo chiếm đoạt của anh **H** số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Trần Văn T3**, sinh ngày 10/10/1973, trú tại **thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị** số tiền 15.400.000 đồng.

Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2023, thông qua anh **Nguyễn Trung T1**, anh **Trần Văn T3** biết được **Nguyễn Văn C** đang làm thủ tục cho anh **T1** đi xuất khẩu lao động ở Indonesia. Đồng thời, anh **Trần Văn T3** được anh **T1** cung cấp lại các thông tin mà **C** đã đưa ra với anh **T1**, nên anh **T3** tin tưởng và nhờ anh **T1** liên hệ với **Nguyễn Văn C** để làm thủ tục cho anh **T3** cùng đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, **C** đồng ý. Đến ngày 01/8/2023, anh **T1** thông báo cho anh **Trần Văn T3** biết về việc **Nguyễn Văn C** yêu cầu nộp số tiền 15.400.000 đồng, đồng thời gửi số tài khoản ngân hàng của **Nguyễn Văn C** cho anh **Trần Văn T3** để anh **T3** chuyển số tiền 15.400.000 đồng của mình vào số tài khoản 0968528731 **Ngân hàng M** của **Nguyễn Văn C**. Tuy nhiên sau khi chuyển tiền, anh **Trần Văn T3** vẫn không đi được sang Indonesia để làm việc, nên anh **T3** liên lạc với **Nguyễn Văn C** thì bị **C** chặn liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh **T3** số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Trần Văn V**, sinh ngày 10/10/1986, trú tại **thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị** số tiền 15.400.000 đồng.

Vào khoảng tháng 7 năm 2023, khi anh **Trần Văn V** lên nhà anh **Nguyễn Trung T1** chơi thì biết được thông tin anh **T1** cùng một số người nữa đang được **Nguyễn Văn C** làm thủ tục cho đi xuất khẩu lao động tại Indonesia nên anh **V** cũng muốn đi cùng anh **T1**. Sau đó, anh **V** liên lạc với **Nguyễn Văn C** để hỏi thông tin, thì được **C** cung cấp các thông tin gian dối như trên làm cho anh **V** tin tưởng. **Nguyễn Văn C** yêu cầu anh **Trần Văn V** nộp số tiền 15.400.000 đồng để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, anh **V** nói “*khi mô có visa thì nộp tiền để đi*”. Đến ngày 31/7/2023, **Nguyễn Văn C** thông báo với anh **V** đã có visa và yêu cầu anh **V** nộp số tiền 15.400.000 đồng và cung cấp số tài khoản cho anh **V**. Tin tưởng vào những thông tin mà **Nguyễn Văn C** đưa ra nên anh **V** đã chuyển khoản số tiền 15.400.000 đồng của mình vào số tài khoản 0968528731 **Ngân hàng M** của **Nguyễn Văn C**. Sau khi nhận tiền, **Nguyễn Văn C** hứa hẹn nhiều lần để bay sang Indonesia nhưng anh **Trần Văn V** vẫn không đi được, **Nguyễn Văn C** đã chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh **V** số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Trần Đức B1**, sinh ngày 10/05/1984, trú tại **thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị** số tiền 30.800.000 đồng.

Vào cuối tháng 7 năm 2023, thông qua các mối quan hệ cá nhân anh **Trần Đức B1** biết **Nguyễn Văn C** có khả năng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Indonesia nên ngày 01/08/2023, anh **B1** đã liên hệ với **Nguyễn Văn C** để hỏi thông tin. Khi trao đổi với anh **B1**, **Nguyễn Văn C** đã đưa ra các thông tin gian dối như trên làm cho anh **B1** tin tưởng. Cùng thời điểm đó, anh **Hoàng Văn C2** (sinh năm 1981, thường trú tại **thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị**) cũng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, nên cũng đã nhờ anh **Trần Đức B1** đặt vấn đề với **Nguyễn Văn C** để làm thủ tục cho anh **C2** cùng đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, **C** đồng ý và yêu cầu anh **B1**, anh **C2** chụp ảnh căn cước công dân gửi cho **C** để làm thủ tục. Trong ngày 01/8/2023, **Nguyễn Văn C** thông báo đã có visa của anh **B1** và anh **C2**, yêu cầu anh **B1** phải chuyển số tiền 30.800.000 đồng tiền trước 15 giờ ngày 01/8/2023 để Công ty làm thủ tục và đặt vé máy bay, nếu chuyển tiền sau thời gian này sẽ không làm thủ tục được nữa. Do tin tưởng nên anh **Trần Đức B1** chuyển số tiền 30.800.000 đồng của anh **B1** vào số tài khoản 0968528731 **Ngân hàng M** của **Nguyễn Văn C**. Sau khi chuyển tiền thì cả anh **B1** và anh **C2** đều không đi xuất khẩu lao động được, **Nguyễn Văn C** nhiều lần đưa ra lý do lỡ chuyến bay, rồi chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh **B1** số tiền 30.800.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 10/04/1989, trú tại **thôn P, xã P, tỉnh Quảng Trị** số tiền 15.400.000 đồng.

Vào ngày 01/8/2023, thông qua các mối quan hệ cá nhân thì anh **Nguyễn Văn H1** biết được thông tin **Nguyễn Văn C** đang làm thủ tục cho anh **Trần Hữu B2** đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, nên anh **H1** đã liên hệ với **C** để hỏi thông tin thì được **C** đưa ra các thông tin gian dối như trên làm cho anh **H1** tin tưởng. **Nguyễn Văn C** đã yêu cầu anh **Nguyễn Văn H1** đóng cho **C** số tiền 15.400.000 đồng, khi nào bay sang Indonesia Công ty sẽ trả lại số tiền này. Tin tưởng vào các thông tin **C** đã đưa ra nên ngày 08/08/2023, anh **Nguyễn Văn H1** đã chuyển số

tiền 15.400.000 đồng của mình vào số tài khoản 0968528731 Ngân hàng M của Nguyễn Văn C. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Văn C hứa hẹn anh Nguyễn Văn H1 sẽ bay sang Indonesia vào ngày 09/8/2023. Tuy nhiên, đến hẹn anh Nguyễn Văn H1 vẫn không đi xuất khẩu lao động được, anh H1 liên lạc với Nguyễn Văn C nhưng bị C chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh H1 số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 16/10/1993, trú tại thôn C, xã P, tỉnh Quảng Trị số tiền 15.400.000 đồng.

Vào khoảng tháng 7 năm 2023, anh Nguyễn Hồng Q có quen biết với Nguyễn Văn C, biết C đang làm thủ tục cho nhiều người ở Quảng Trị đi xuất khẩu lao động tại Indonesia, C có hỏi anh Nguyễn Hồng Q có đi không thì C làm thủ tục cho để đi cùng luôn. Do thời gian này anh Nguyễn Hồng Q đang có nhu cầu tìm kiếm việc làm nên đã đồng ý, Nguyễn Văn C tiếp tục đưa ra những thông tin gian dối như trên làm cho anh Q tin tưởng. Nguyễn Văn C yêu cầu anh Q chụp ảnh căn cước công dân và hộ chiếu gửi cho C để làm thủ tục. Đến ngày 29/7/2023, Nguyễn Văn C gửi số tài khoản ngân hàng và yêu cầu anh Q phải đóng số tiền 15.400.000 đồng để làm thủ tục. Tin tưởng vào các thông tin mà C đưa ra, anh Nguyễn Hồng Q đã chuyển khoản số tiền 15.400.000 đồng của mình vào số tài khoản 0968528731 Ngân hàng M của Nguyễn Văn C. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn C hứa hẹn với anh Q ngày 04/8/2023 là sẽ bay sang Indonesia để làm việc, nhưng đến hẹn vẫn không đi được thì C nói với anh Q do trục trặc vé máy bay. Anh Nguyễn Hồng Q yêu cầu Nguyễn Văn C trả lại tiền, nhưng C không trả mà hứa hẹn ngày 09/8/2023 sẽ có vé máy bay để đi sang Indonesia làm việc. Đến hẹn, anh Q vẫn không đi được sang Indonesia để làm việc nên đã liên lạc với Nguyễn Văn C thì bị C chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh Q số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân T4, sinh ngày 20/01/1988, trú tại thôn P, xã Y, tỉnh Thanh Hóa số tiền 46.200.000 đồng.

Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2023, anh Nguyễn Xuân T4 quen biết với Nguyễn Văn C và biết C đang làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động ở Indonesia. Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên anh T4 đã hỏi thông tin từ Nguyễn Văn C thì C đã đưa ra các thông tin gian dối như trên làm cho anh T4 tin tưởng. Do thời điểm này anh Nguyễn Duy T8 (sinh năm 2002) và anh Trịnh Đình P1 (sinh năm 1992), đều trú tại xã Y, tỉnh Thanh Hóa là bạn bè của anh Nguyễn Xuân T4 cũng đang có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Anh T4 đã hỏi anh T8 và anh P1 có đi Indonesia làm việc cùng không thì anh T4 sẽ nhờ Nguyễn Văn C làm thủ tục cho, và anh T4 sẽ bỏ tiền ra để lo cho anh T8 và anh P1, khi nào đi được sang Indonesia đi làm có lương thì trả lại cho anh T4, thì anh T8 và anh P1 đồng ý đi cùng anh T4. Vì vậy, anh Nguyễn Xuân T4 đã đặt vấn đề nhờ Nguyễn Văn C làm thủ tục cho anh T4, anh T8 và anh P1 đi xuất khẩu lao động sang Indonesia, C đồng ý. Nguyễn Văn C yêu cầu anh T4 chụp ảnh căn cước công dân, hộ chiếu và ảnh thẻ gửi cho C để làm thủ tục xin visa thì anh T4 làm theo. Đến ngày 03/8/2023, Nguyễn Văn C thông báo đã có visa đề nghị anh T4 đóng tổng số tiền 46.200.000 đồng để C thu xếp cho anh T4, anh T8 và anh P1 bay sang Indonesia vào ngày 05/8/2023, nên anh T4 đã chuyển số tiền 46.200.000

đồng của anh T4 vào số tài khoản 0968528731 Ngân hàng M của Nguyễn Văn C. Đến ngày 05/8/2023, Nguyễn Văn C báo với anh T4 bị trục trặc vé máy bay và hộ chiếu nên chưa đi được, hẹn ngày 08/8/2023 sẽ bay. Tuy nhiên, do đến hẹn vẫn không bay được nên anh T4 yêu cầu Nguyễn Văn C trả lại tiền, C nói đang xử lý sẽ trả lại tiền nhưng sau đó chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân T4 tổng số tiền 46.200.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc T5, sinh ngày 10/09/1994, trú tại thôn D T, xã P, tỉnh Quảng Trị số tiền 15.400.000 đồng.

Vào khoảng cuối tháng 7 năm 2023, anh Nguyễn Quốc T5 có quen biết với Nguyễn Văn C, được C cho biết mình đang làm thủ tục cho nhiều ở Quảng Trị đi xuất khẩu lao động tại Indonesia. Do đang có nhu cầu đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên anh T5 đã hỏi thông tin về việc đi xuất khẩu lao động tại Indonesia thì được C cung cấp các thông tin gian dối như trên làm cho anh T5 tin tưởng. Nguyễn Văn C yêu cầu anh T5 chụp ảnh căn cước công dân gửi cho C để làm thủ tục nên anh T5 đã làm theo. Đến ngày 07/8/2023, Nguyễn Văn C thông báo đã có visa, yêu cầu anh Nguyễn Quốc T5 nộp số tiền 15.400.000 đồng cho C để ngày 09/8/2023 bay sang Indonesia làm việc. Do tin tưởng Nguyễn Văn C nên ngày 07/8/2023, anh T5 đã chuyển khoản số tiền 15.400.000 đồng của mình vào số tài khoản 0968528731 Ngân hàng M của Nguyễn Văn C. Tuy nhiên đến ngày 09/8/2023, Nguyễn Văn C thông báo vé máy bay trục trặc nên chưa đi được và hẹn thêm 3 đến 4 ngày nữa sẽ có vé để đi. Tuy nhiên, sau đó anh Nguyễn Quốc T5 bị Nguyễn Văn C chặn mọi liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh T5 số tiền 15.400.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Ngọc T6, sinh ngày 05/12/1981, trú tại thôn Y, xã H, tỉnh Thanh Hóa số tiền 77.000.000 đồng.

Vào khoảng tháng 9 năm 2024, anh Trần Ngọc T6 có quen biết với Nguyễn Văn C. Trong thời gian quen biết nhau, Nguyễn Văn C đã đưa ra các thông tin gian dối với anh T6 về việc mình đang quản lý Công ty làm thực phẩm ở Đài Loan, nay về Việt Nam để tuyển nhân viên sang làm việc. Do thời điểm này công việc của anh Trần Ngọc T6 không ổn định nên anh T6 có ý định đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và hỏi C thì C đã đưa ra các thông tin gian dối cho anh T6 như trên. Do tin tưởng vào những thông tin mà Nguyễn Văn C đã đưa ra cho nên anh T6 đã đi làm hộ chiếu, rồi chụp ảnh hộ chiếu và căn cước công dân gửi cho C. Sau đó, Nguyễn Văn C yêu cầu anh T6 chuyển cho C tổng số tiền 77.000.000 đồng để làm thủ tục, nên ngày từ 22/9/2024 đến ngày 01/10/2024, anh Trần Ngọc T6 đã 08 lần chuyển khoản tổng số tiền 77.000.000 đồng vào số tài khoản 0968528731 Ngân hàng M của Nguyễn Văn C. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Văn C hứa hẹn với anh T6 trong vòng 15 đến 20 ngày nữa sẽ bay sang Đài Loan làm việc. Tuy nhiên đến hẹn anh T6 vẫn không đi được sang Đài Loan nên hỏi C thì C đưa ra nhiều lý do khác nhau như trục trặc thủ tục, chưa bố trí được công việc ở bên Đài Loan nên phải lùi lịch lại. Sau nhiều ngày hứa hẹn thì Nguyễn Văn C chặn liên lạc, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh Trần Ngọc T6 số tiền 77.000.000 đồng.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh **Nguyễn Văn T7**, sinh ngày 16/07/1980, trú tại **thôn T, phường N, tỉnh Bắc Ninh** số tiền 70.000.000 đồng.

Vào khoảng tháng 11 năm 2024, anh **Nguyễn Văn T7** có quen biết với **Nguyễn Văn C** và được **C** cho biết mình có khả năng làm thủ tục và đưa người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vì hiện tại **C** đang quản lý nhiều Công ty ở Đài Loan. Do thời gian này công việc của anh **Nguyễn Văn T7** không ổn định, thu nhập thấp cho nên anh **T7** đã đặt vấn đề nhờ **Nguyễn Văn C** làm thủ tục đưa anh **T7** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, **C** đồng ý và đưa ra các thông tin gian dối như trên làm cho anh **T7** tin tưởng. Anh **T9** tin tưởng vào những thông tin mà **Nguyễn Văn C** đưa ra nên đã đi khám sức khỏe, phô tô căn cước công dân gửi cho **C**. Ngày 29/11/2024, **Nguyễn Văn C** yêu cầu anh **Nguyễn Văn T7** nộp cho **C** số tiền 70.000.000 đồng để làm thủ tục nên anh **T7** đã đưa trực tiếp tiền mặt 32.500.000 đồng cho **Nguyễn Văn C** và ngày 02/12/2024, anh **T7** tiếp tục đưa tiền mặt 37.500.000 đồng cho **C**. Khi nhận tiền, **Nguyễn Văn C** đã viết cho anh **T7** 01 giấy cam kết trả tiền, trong đó thể hiện nội dung đã nhận của anh **C** hai lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng để làm thủ tục cho anh **T7** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. **Nguyễn Văn C** cam đoan sẽ bay sang Đài Loan trong thời gian từ 18/12/2024 đến 25/12/2024, nếu không đi được trong thời gian này sẽ trả lại toàn bộ số tiền trên cho anh **T7**. Đến ngày 25/12/2024, anh **T7** vẫn chưa đi được sang Đài Loan nên **Nguyễn Văn C** bảo chờ ít ngày nữa sẽ có lịch bay, sau đó **C** thông báo cho anh **T7** là đã đặt lịch vé máy bay từ Việt Nam sang Đài Loan cho anh **T7** vào ngày 01/01/2025. Tuy nhiên, đến ngày 01/01/2025 anh **T7** vẫn không bay được sang Đài Loan, lúc này **Nguyễn Văn C** tiếp tục đưa ra nhiều lý do khác nhau như trục trặc thủ tục, chưa bố trí được công việc ở bên Đài Loan nên phải lùi lịch lại. Sau nhiều ngày hứa hẹn thì **Nguyễn Văn C** chặn liên lạc với anh **T7**, không trả lại tiền và chiếm đoạt của anh **Nguyễn Văn T7** số tiền 70.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh H** không thu giữ, xử lý vật chứng nào.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại trong vụ án yêu cầu bị cáo **Nguyễn Văn C** bồi thường tổng số tiền 408.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nhưng đến nay chưa có điều kiện để thực hiện việc bồi thường.

Với hành vi trên, tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS-KV1 ngày 25 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh đã truy tố **Nguyễn Văn C** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2025. **Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.** Về biện pháp tư pháp: đề nghị buộc

bị cáo bồi thường tổng số tiền 408.000.000 đồng cho toàn bộ người bị hại. Về vật chứng: không có.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận, yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi, cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Từ 7/2023 đến 12/2024, mặc dù không hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lao động và hoàn toàn không có khả năng đưa người đi lao động ở nước ngoài, nhưng Nguyễn Văn C đã đưa ra thông tin gian dối là có thể làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Indonesia và Đài Loan để tạo lòng tin, chiếm đoạt tiền của 14 người bị hại, cụ thể như sau: anh Đặng A số tiền 15.000.000 đồng; chị Lê Thị T số tiền 46.200.000 đồng; anh Nguyễn Trung T1 số tiền 15.000.000 đồng; anh Trần Văn T2 số tiền 15.400.000 đồng; anh Trần Xuân H số tiền 15.400.000 đồng; anh Trần Văn T3 số tiền 15.400.000 đồng; anh Trần Văn V số tiền 15.400.000 đồng; anh Trần Đức B1 số tiền 30.800.000 đồng; anh Nguyễn Văn H1 số tiền 15.400.000 đồng; anh Nguyễn Hồng Q số tiền 15.400.000 đồng; anh Nguyễn Xuân T4 số tiền 46.200.000 đồng; anh Nguyễn Quốc T5 số tiền 15.400.000 đồng; anh Trần Ngọc T6 số tiền 77.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn T7 số tiền 70.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn C đã chiếm đoạt của các bị hại là 408.000.000 đồng. Ngày 06/11/2025, nhận thức được hành vi của mình nên Nguyễn Văn C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của Nguyễn Văn C có tính nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, xâm phạm rất nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của Nguyễn Văn C là do bị cáo lừa lao động, muốn lấy tài sản của người khác làm tài sản của mình, mặc dù biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội thành khẩn khai báo”; Người phạm tội đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt số tiền 408.000.000 đồng của 14 người bị hại. Bị cáo chưa bồi thường. Tính chất phạm tội nguy hiểm, địa bàn rộng, sau khi phạm tội bỏ trốn sang Campuchia, sau đó bị trục xuất về nước, ra đầu thú. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Bị cáo là lao động tự do, hoàn cảnh gia đình bố bị ung thư nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: không có.

[6] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho toàn bộ người bị hại.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn C** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2025.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự: **Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 408.000.000 đồng, cụ thể như sau:**

- Anh **Đặng A** số tiền 15.000.000 đồng;
- Chị **Lê Thị T** số tiền 46.200.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Trung T1** số tiền 15.000.000 đồng;
- Anh **Trần Văn T2** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Trần Xuân H** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Trần Văn T3** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Trần Văn V** số tiền 15.400.000 đồng;

- Anh **Trần Đức B1** số tiền 30.800.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Văn H1** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Hồng Q** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Xuân T4** số tiền 46.200.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Quốc T5** số tiền 15.400.000 đồng;
- Anh **Trần Ngọc T6** số tiền 77.000.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Văn T7** số tiền 70.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo **Nguyễn Văn C** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền buộc bị cáo phải bồi thường.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 -Hà Tĩnh;
- THA dân sự tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng THA hình sự Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HSVA, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào

